

BA PHƯƠNG DIỆN CHÍNH CỦA CON ĐƯỜNG GIÁC NGỘ

Tổ sư Tông Khách Ba



Đức Đạt Lai Lạt Ma Lược Giải
Anh ngữ: Dr.Alexander Berzin
Hồng Nhu Chuyển Kệ - Tuệ Uyển Chuyển Ngữ

---o0o---

Nguồn

<http://quangduc.com>

Chuyển sang ebook 18-01-2014

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- 01. GIỚI THIỆU**
- 02. HÃY LÀ MỘT NGƯỜI ÂN CẦN VÀ TẾ NHỊ**
- 04. KỆ TÁN DƯƠNG, NGUYỆN ƯỚC TRƯỚC TÁC, VÀ KHUYẾN KHÍCH LẮNG NGHE TỐT**
- 05. SỰ LIÊN HỆ GIỮA BA CON ĐƯỜNG**
- 06. VIỄN LY**
- 07. TÂM GIÁC NGỘ (Bodhicita)**
- 08. MỘT QUAN ĐIỂM ĐÚNG ĐẮN VỀ TÍNH KHÔNG**
- 09. HUẤN THỊ ĐỀ THỰC HÀNH**
- 10. KẾT LUẬN LƯU Ý TRÊN CHỦ TRƯỞNG KHÔNG TÔNG PHÁI**

---o0o---

01. GIỚI THIỆU

Khi chúng ta hiện diện ở đây, chúng ta phải thiết lập một động cơ đặc biệt: tâm giác ngộ (tâm bồ đề) nhằm hướng đến giác ngộ vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Điều này cần một sự chân thành hoàn toàn. Đức Phật đã đạt được sự giác ngộ của Ngài bởi năng lực của xu hướng trong sạch của tâm giác ngộ (tâm bồ đề) của Ngài. Tất cả những phẩm chất và những sự đạt được của Ngài tùy thuộc vào động cơ giác ngộ ấy. Để đạt được cùng sự chứng ngộ của Ngài, chúng ta cần phải nguyện cầu để phát triển một tâm niệm như thế của chính mình nhiều tối đa và để có sự tăng trưởng chưa từng có của điều ấy.

Những ngày cuối cùng này chúng ta phải nâng cao một số năng lực tích cực (công đức) qua những giáo huấn này. Chúng ta hãy tiếp tục bây giờ trong ngày hôm nay với Ba Phương Diện Chính Yếu của Con Đường của Tổ Sư Tông Khách Ba. Ba điều này liên hệ đến sự viên ly, tâm giác ngộ, và nhận thức đúng đắn về tính không.

1-Sự viên ly căn cứ trên thái độ mà chúng ta chuyển tâm niệm chúng ta hoàn toàn khỏi tất cả những ao ước khát khao của cõi luân hồi, sự lưu chuyển không thể kiểm soát của vòng sinh tử. Sự đạt đến giải thoát tùy thuộc trên việc có một sự viên ly hay từ bỏ như thế.

2-Tâm giác ngộ (tâm bồ đề) là thái độ hay khuynh hướng đạt đến giác ngộ để làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh .

3- Quan điểm đúng đắn về tính không là sự nhận thức về tính bản nhiên bất động thật sự của thực tại.

Lưu tâm đến nhận thức đúng đắn hay thông hiểu về tính không của thực tại, của sự tồn tại không cố hữu, nếu nó được thủ hộ giữ gìn bởi một tâm niệm viên ly, nó sẽ mang đến giải thoát. Nó đem đến giải thoát bởi sự trừ khử những ám chướng ngăn cản sự giải thoát, ấy là những cảm xúc và thái độ quấy nhiễu. Những nhân tố tinh thần đã kèm hãm chúng ta giới hạn trong sự tồn tại dưới không chế bởi nghiệp quả và những xúc tình và thái độ quấy nhiễu của vòng luân hồi. Nếu sự thông hiểu nhận thức đúng đắn về tính không được thủ hộ giữ gìn bởi một tư tưởng của tâm giác ngộ (tâm bồ đề), nó cũng tiêu trừ những ám tối đối với tất cả những vấn đề có thể nhận thức được, và những điều ngăn trở toàn giác toàn trí.. - ấy là, những thói quen dính mắc về phía sự tồn tại cố hữu và chân thực. Loại trừ chúng đi đem đến sự đạt đến giác ngộ. Do thế, một quan điểm đúng đắn về tính không là đối thủ chính sẽ phá hủy hai bộ phận của ám chướng (sở tri chướng và phiền não chướng), và nó được hỗ trợ bởi hoặc là sự viên ly hay cả sự viên ly và tâm giác ngộ (tâm bồ đề).

Giáo huấn Tiểu thừa đòi hỏi sự viễn ly và nhận thức đúng đắn về tính không nhằm đạt đến mục tiêu của họ là giải thoát. Đại thừa thêm vào tâm giác ngộ (tâm b ồ đề) để tiêu trừ tất cả những sự ám tối một cách hoàn toàn. Do vậy, ba phương diện chính yếu của con đường – sự viễn ly hay từ bỏ, tâm giác ngộ hay tâm b ồ đề, và tính không – hiệp nhất căn bản thiết yếu của tất cả những giáo huấn của Tiểu thừa và Đại thừa.

Mật điển tantras nổi tiếng của chúng ta có một chủ đề vững chắc về thân thể vi tế, năng lượng khí, năng lượng kinh mạch, và năng lượng hạt, có như nền tảng của nó là cùng giống ba phương diện của con đường – viễn ly, khuynh hướng cực kỳ mạnh mẽ của tâm giác ngộ (tâm b ồ đề) và một sự thông hiểu hoàn toàn về tính không như được truyền dạy bởi Long Thọ và hai người con tinh thần của ngài. Thêm vào những điều này, trong mật điển tantra chúng ta thiết lập niềm hãnh diện hay chân giá trị của chúng ta trên khả năng của điều mà chúng ta có thể đạt đến từ khí và tâm thức vi tế. Trong cách này, chúng ta giữ gìn chân giá trị của hoặc một Sắc Thân hay hay một Pháp Thân Tỉnh Thức Sâu Sắc của một vị Phật, hay của cả hai điều này. Mặc dù, chúng ta không thực sự có những thân Phật vào lúc chúng ta thực tập, tuy thế căn cứ trên khuynh hướng mạnh mẽ của tâm giác ngộ (tâm b ồ đề) nhằm đạt đến trạng thái giác ngộ này để lợi ích cho vô lượng chúng sinh, chúng dần dần trở nên có thể đạt được những thân thể như thế. Chúng ta có thể đạt được những thân thể ấy qua sự thực tập và duy trì chân giá trị của những thân Phật này.

Do thế, ba phương diện của con đường là căn bản của toàn bộ những con đường kinh điển hiển giáo và mật giáo tantra. Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta phải luôn luôn cố gắng theo đuổi một sự thực tập phối hợp của phương pháp và tuệ trí, cố gắng để hỗ trợ kẻ khác, xây dựng nên năng lực tích cực, v.v và v.v....

Luận giải đặc biệt này là rất ngắn, chỉ vài đoạn. Chúng tôi học với Tagtra Rinpoche lần đầu tiên và sau này với nhiều vị khác nhau kể cả Trijang Dorjechang. Chúng ta cần thiết lập một động cơ rõ ràng để lắng nghe giáo huấn này. Nếu chúng ta thiết lập một tâm niệm ân cần như động cơ của chúng ta, điều này sẽ là nguồn cội của tất cả mọi an lạc. Nếu chúng ta thiếu một tâm niệm như thế, và thay vào đấy là sự tự hào kiêu căng, v.v..., điều này chỉ đem đến bất hạnh và bất an. Những hiệu quả trong những đời sống tương lai hoặc là chúng ta sẽ là một người có tu dưỡng, tế nhị hay một chúng sinh thô tục, bạo tàn sẽ được thấy trong hình thức những hạnh kiểm của chúng ta trong đời sống này. Thậm chí nếu chúng ta không thừa nhận sự hiện hữu của những đời sống tương lai, tuy vậy, có một lòng hảo tâm, hay trên một phương diện khác là thô tục cộc cằn, sẽ mang đến hoặc là hạnh phúc hay bất hạnh tùy theo nhân đã gieo hiện tại.

02. HÃY LÀ MỘT NGƯỜI ÂN CẦN VÀ TẾ NHỊ

Điều quan trọng nhất là hạnh kiểm hay cung cách cư xử hàng ngày của chúng ta. Ngay cả nếu có điều như là đời sống tương lai, không có gì tai hại trong sự biểu hiện tế nhị; nó giúp chúng ta trong đời sống hằng ngày. Ví như không có đời sống tương lai, thế thì thậm chí chúng ta sẽ lợi lạc hơn thế nữa từ việc thể hiện là một người tế nhị mềm mỏng và ân cần tử tế. Do vậy, hãy thân hữu, ân cần đến mọi người, và không để điều ấy chỉ là lý thuyết. Chúng ta cần làm những biểu hiện như thế trong đời sống hằng ngày. Đây là điều thiết yếu căn bản của giáo pháp và nó không khó khăn để theo đuổi. Nó không phải là điều gì mà chúng ta phải đi đến cửa hàng để mua, nhưng đúng hơn nó là điều mà chúng ta thực hành với tự chính mình.

Thí dụ, hãy nhìn những người ở Bắc Kinh. Họ là những đối tượng cụ thể đối với lòng từ bi yêu thương của chúng ta. Họ không biết điều gì là đúng hay sai; họ không biết kết quả những hành động của họ, do vậy chúng ta cần phải biểu hiện lòng từ bi yêu thương cho họ thấy. Chính chúng ta, tất cả chúng ta hãy cố gắng ân cần tử tế và tế nhị lịch sự. Hãy nhìn những người say rượu hay bia – đây là một thói quen rất xấu. Họ trở nên nghiện ngập, ồn ào, thô lỗ, bất lịch sự, và là nguyên nhân của nhiều sự náo động. Đức Thế Tôn đã dạy rằng như một hậu quả của việc nghiện rượu, chúng ta thường làm nên nhiều hành động phá hoại về thân thể, lời nói, và tâm ý. Do thế, uống rượu là không tốt gì cả.

Điều cũng giống như thế đối với hút thuốc. Mặc dù Đức Phật không đặc biệt bài trừ nó và giáo huấn không đặc biệt đề cập sự bất lợi của nó, tuy thế như chúng ta thấy điều gì mà những bác sĩ của phương Tây đã nói, nó cực kỳ nguy hiểm cho sức khỏe của chúng ta. Nếu có một mục tiêu nào đây trong sự hút thuốc, điều ấy cũng tốt thôi. Tuy nhiên, nếu là không, như là trong hầu hết mọi trường hợp, thế thì tốt nhất là đừng hút thuốc. Điều ấy cũng giống như với trường hợp dùng bàn đèn hút thuốc phiện, và v.v..., tốt nhất là hoàn toàn không dùng những thứ đó.

Trong những cung cách như thế, bằng việc từ bỏ những thói quen thô thiển, chúng ta sẽ trở thành một người tế nhị một cách tăng tiến hơn, tu dưỡng và lịch lãm hơn. Càng thực hiện những điều này, chúng ta càng khác hơn. Nếu chúng ta thấy những người đàn bà, những người đàn ông lịch lãm khác, chúng ta nên vui mừng trong những tấm gương của họ và cố gắng trở thành tế nhị và tu dưỡng tối đa mà chúng ta có thể cố gắng với chính mình. Quý vị có hiểu không? Hãy càng ngày càng chính niệm để tế nhị, có tu

dưỡng, thân ái, và có một trái tim nồng ấm. Hãy nhìn những bất lợi của việc thô lỗ, tục tằn, ích kỷ, và hung dữ. Chúng ta cần luôn luôn nhắc nhở chính mình về chúng. Nếu chúng ta có một trái tim ân cần tử tế, điều này sẽ đem đến hạnh phúc, may mắn, khỏe mạnh, và an bình của tâm hồn. Điều này hỗ trợ chúng tôi rất nhiều trong sự suy nghĩ của chính mình. Tất cả chúng ta là giống nhau; tất cả chúng ta muốn an lạc hạnh phúc; do thế, tất cả chúng ta hãy cùng làm giống nhau: hãy ân cần tử tế và mềm mỏng tế nhị.

Hãy nhìn những người đến đây từ Tây Tạng. Họ không cảm râm về tất cả những sự khó khăn mà họ đã có trong hai mươi năm kỳ quái vừa qua và nói chúng ta cảm động thế nào và cảm thấy thế nào cho chính họ. Đúng hơn, họ đến đây và biểu hiện rất vui thích trong Giáo Pháp. Chúng tôi những người Tây Tạng đang sống ở đây và cũng không cần phải chứa chấp những mối ác cảm hận thù chống lại người Trung Cộng. Chúng ta cần cảm thấy may mắn thế nào mà chúng ta có được cơ hội hiện diện ở Ấn Độ và để thực tập Giáo Pháp. Chúng tôi biết rất nhiều người bị đè nén áp bức bởi những người Trung Cộng, bị cầm tù và, thiếu vắng bất cứ sự rèn luyện Phật Pháp nào, đã điên cuồng lên vì thù hận và giận dữ. Do vậy, điều quan trọng nhất là không nên giận dữ như thế, nhưng hãy tu dưỡng và cố gắng nuôi dưỡng một trái tim tử tế ân cần. Điều này sẽ làm nên một sự khác biệt vô cùng vào lúc lâm chung của chúng ta.

Hãy nhìn Hitler. Mặc dù cuộc đời ông ta nắm trong tay quyền lực vô hạn, sự thù hận đã ngự trị trong tâm ông và khi ông ta chết ông vô cùng tuyệt vọng và đau lòng ông ta dùng thuốc độc tự vẫn. Stalin cũng giống như thế chết trong một trình trạng sợ hãi vô vàn và Mao Trạch Đông đã qua đời trong những trạng huống rất khó khăn. Do thế, điều quan trọng là hãy ân cần tử tế và có một tấm lòng nồng ấm trong toàn bộ đời sống của chúng ta. Rồi thì, khi chúng ta chết, chúng ta có thể làm như thế với sự bình an của tâm hồn.

Trong tất cả những xứ sở mà chúng tôi đã đi qua, chúng tôi đã giảng dạy cùng một điều chính xác như thế. Cho dù chúng tôi ở phương Tây hay thậm chí ở Liên Xô, chúng tôi nói với tất cả họ hãy có một tấm lòng ân cần tử tế, hãy thân ái đối với mọi người trong một khuôn mẫu vô tư: hãy bình đẳng yêu thương với tất cả mọi người. Bất khi nào chúng tôi đi đến những nơi khác nhau, chúng tôi thấy mọi người nhiều chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo khác nhau và chúng tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta là những con người như nhau. Nếu chúng ta dành thời gian nói chuyện với họ, chúng ta khám phá ra rằng mọi người có cùng chung giá trị nhân bản giống nhau. Mọi người muốn hạnh phúc và không ai ao ước khổ đau. Do thế, tất cả chúng ta cần cố gắng để ân cần tử tế và có một lòng hảo tâm.

Quý vị có hiểu chứ? Những gì chúng tôi nói không quá khó khăn để hiểu, có đúng thế không? Quý vị có theo dõi chúng tôi chứ? Hãy là những

người ân cần tử tế. Quý vị đã đến đây, ở mảnh đất thiêng của Đạo Tràng Giác Ngộ, Ấn Độ và, đang tiếp nhận Giáo Huấn Pháp Bảo từ Đạt Lai Lạt Ma. Do thế, bây giờ hãy giương tai lên như những con thỏ để lắng nghe những giáo huấn Ba Phương Diện Chính Yếu của Con Đường Giác Ngộ của Tổ Sư Tông Khách Ba.

---o0o---

3. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA LUẬN GIẢI

Tông Khách Ba sinh ra ở Amdo và theo học với nhiều vị thầy ở trung bộ Tây Tạng thuộc tỉnh U và Tsang. Ngài học cả kinh điển hiển giáo lẫn mật điển tantra và trở nên chứng ngộ hoàn toàn. Ngài đã viết mười tám tác phẩm giáo lý tuyệt vời, thu thập rộng rãi từ những tài liệu và luận giải Ấn Độ khác nhau. Ngài trao truyền trực tiếp luận bản này cho một trong hai đệ tử thân cận nhất của Ngài là Ngawang-dragpa.

Có một sự khác biệt nho nhỏ trong cung cách của sự giáo huấn trong Ba Phương Diện Chính Yếu của Con Đường này và trong Lam-rim hay Con Đường Tiệm Tiến. Ở đây, diễn giải trước đây về viễn ly hay từ bỏ diễn ra trong hai phần. Thứ nhất là quay lưng với sự bức bách của đời sống này qua sự nhớ nghĩ đến sự tái sinh quý báu của con người và vô thường. Thứ hai là quay lưng với sự bức bách của những đời sống tương lai do nghĩ đến những khổ đau tự nhiên của toàn bộ vòng luân hồi. Có một sự nhấn mạnh nhỏ trên sự tiếp nhận phương hướng an toàn (Quy y). Trong Lam-rim hay con đường tiệm tiến, trái lại, có sự thảo luận về ba quá trình của động cơ. Vì hiện hữu một cá nhân là quá trình sơ khởi là căn bản cho những trình độ cao hơn, đầu tiên là phát triển về sự hấp dẫn để làm lợi ích cho những đời sống tương lai và trong luận bản này, bao gồm những giáo huấn trong sự tiếp nhận phương hướng an toàn (Quy y). Thế thì, có một sự khác biệt nho nhỏ, có phải không?

Bây giờ chúng ta bắt đầu vào luận giải.

---o0o---

04. KỆ TÁN DƯƠNG, NGUYỆN ƯỚC TRƯỚC TÁC, VÀ KHUYẾN KHÍCH LẮNG NGHE TỐT

Cúi đầu phủ phục đến những đấng đạo sư tôn quý toàn hảo

Thuật ngữ tôn quý toàn hảo ngụ ý đến những ai đã quay lưng của họ đến tất cả những sự việc của luân hồi và hoàn toàn đối diện với giải thoát. “Đạo sư” là một người tôn quý, cao thượng, trong ý nghĩa của những người có sự thông hiểu đúng đắn cả về tính không lẫn tâm giác ngộ (tâm b ồ đề), những điều sẽ đưa những vị ấy đến tình trạng cao quý, tối thượng của giác ngộ. Ở đây, đạo sư tôn quý toàn hảo liên hệ đến những Đạo Sư của Tổ Sư Tông Khách Ba những vị đã dạy Ngài con đường tiệm tiến Lam-rim, và đặc biệt đến vị Thầy không bình thường của Ngài, Văn Thù Sư Lợi.

Tiếp theo là đoạn kệ nguyện ước trước tác.

(1) Nguyện cố gắng giải thích bằng khả năng cao nhất của mình, Ý nghĩa căn bản tất cả những lời được tuyên thuyết trong kinh điển

Của tất cả những Đấng Chiến Thắng,

Con đường được tán dương bởi những hậu duệ thánh thiện của những Đấng Chiến Thắng,

Lối đi qua ở chỗ nông cạn thuận lợi cho sự khát khao giải thoát.

Dịch kệ:

[1] Nay thầy xin tận sức giải thích về

Ý nghĩa tinh túy của giáo pháp của chư Thế Tôn;

Con đường mà các đấng con Phật đều tán dương;

Cánh cửa mở ra cho kẻ thiện duyên khát khao giải thoát.

Ý nghĩa căn bản tất cả những lời tuyên thuyết trong kinh điển của những Đấng Chiến Thắng liên hệ đến sự viễn ly hay từ bỏ. Con đường được tán dương bởi những hậu duệ thánh thiện của những Đấng Chiến Thắng, nói cách khác là những vị Bồ Tát, liên hệ đến tâm giác ngộ (tâm b ồ đề). Lối đi qua ở chỗ nông cạn thuận lợi cho sự khát khao giải thoát là sự thông hiểu tính không, điều sẽ đem đến giải thoát. Do thế, trong nguyện ước viết nên luận giải, tác giả tuyên bố rằng Ngài sẽ giải thích những phương diện chính yếu này của con đường giác ngộ. Bằng khả năng cao nhất của mình nghĩa là Ngài sẽ cố gắng để làm như thế như trong hình thức tóm lược gọn gàng nhất mà Ngài có thể.

(2) Hãy lắng nghe với một tâm niệm trong sáng, hỏi những người may mắn,

Tâm niệm của những người sẽ nương trên con đường vui thích đến Đấng Chiến Thắng

Qua sự hiện diện không bị vướng mắc bởi những vui thú bức bách của luân hồi sinh tử.

Và hằng hái để làm cho cuộc đời của các con đầy đủ ý nghĩa tự tại và những nhân tố phong phú nổi bật.

Dịch kệ:

[2] Xin hãy lắng nghe với tâm trong sáng

Hỡi những người may mắn, không tham cầu lạc thú cõi thế gian,

Biết tận dụng thân người thông dong thuận tiện,

Hướng về con đường làm đẹp dạ đấng Thế tôn.

Điều này đòi hỏi phải lắng nghe tốt. Nó biểu lộ hình thái của động cơ mà chúng ta cần phải có khi lắng nghe những giáo huấn này. Con đường vui thích đến Đấng Chiến Thắng là một lối mà không có sai lầm và nó hoàn toàn, cũng như không thiếu một thứ gì. Khi chúng ta đi theo một con đường không lỗi lầm và hoàn toàn như thế, điều này làm vui lòng những Đức Phật.

---o0o---

05. SỰ LIÊN HỆ GIỮA BA CON ĐƯỜNG

Diễn giải thực sự phần chính của luận giải được chia làm ba phần: diễn giải về viễn ly, tâm giác ngộ, và quan điểm đúng đắn về tính không. Ba điều này cấu thành những tầng bậc tăng dần lên của sự thông hiểu.

Sự viễn ly càng mạnh mẽ của chúng ta với những điều được gọi là tốt đẹp của cõi luân hồi thì lòng từ bi của chúng ta sẽ càng mạnh mẽ hơn đối với những người khác. Thí dụ, trong một ga xe lửa ở Ấn Độ, chúng ta thấy những người mù, những người mất tay chân, ăn xin, v.v..., và điều này liên hệ một cách dễ dàng đến việc phát triển lòng từ bi cho họ. Nhưng nếu chúng ta không có sự viễn ly hay từ bỏ, thế thì khi chúng ta đến, thí dụ, một thành phố lớn, rồi thì thay vì là lòng từ bi, chúng ta chỉ cảm thấy thèm muốn những gì chúng ta thấy hay tự hào với những gì chúng ta có. Trái lại, nếu chúng ta quen thuộc với viễn ly, với một ý niệm về những gì gọi là tốt đẹp của cõi sinh tử thì một cách căn bản chẳng có ý nghĩa gì, rồi thì khi chúng ta đến một nơi như Nữ Ước, thí dụ, và thấy tất cả những người này, suy nghĩ đầu tiên của chúng ta một cách tự nhiên là cảm thấy từ bi yêu thương cho họ.

Viễn ly có hai cách để nhìn. Một là, với một thái độ như thế, chúng ta nhìn xuống tại những khổ đau của sinh tử luân hồi, không có gì thích thú trong ấy, và chúng ta cảm thấy nhàm chán và nguyện ước được thoát khỏi chúng một cách hoàn toàn. Bằng một cách nhìn khác, chúng ta nhìn lên ở sự

giải thoát và nguyện ước đạt đến điều ấy. Thái độ nhị nguyên này mạnh mẽ, thì xu hướng đến tâm giác ngộ (tâm bồ đề) càng kiên cường hơn, điều này cũng tương tự như hai phương hướng quan sát, cả nhìn lên và nhìn xuống. Rồi thì, căn bản trên điều này, nếu chúng ta có một quan điểm đúng đắn về tính không, chúng ta sẽ có thể đạt đến hoặc là giải thoát hay giác ngộ.

Quan điểm đúng đắn ở trong dạng thức của hai sự thật, điều ấy rút ra từ Bốn chân lý cao quý. Đức Phật, Ngài là cội nguồn của sự hướng dẫn an toàn, đã dạy Giáo Pháp với ngôn từ của Ngài. Một cách đặc biệt, Ngài đã dạy Bốn chân lý cao quý và hai sự thật, đây là những điều không lừa dối. Đây là những điều không bao giờ sai lầm.

Do vậy, thật là quan trọng để hiểu và thực chứng những điều ấy. Với tâm giác ngộ (tâm bồ đề), một sự thông hiểu về tính không đem chúng ta đến trạng thái toàn thiện toàn giác của một vị Phật. Nếu đơn thuần với viễn ly, thế thì nó chỉ đưa chúng ta đến giải thoát. Đây là trong luận giải, thảo luận về điều thứ nhất là viễn ly.

---o0o---

06. VIỄN LY

(3) Vì tiếp nhận những thích thú dữ dội trong những hoa trái khoái lạc của đại dương bức bách hướng nẻo luân hồi, mà không có sự viễn ly trong sạch Là không có phương pháp (để đạt đến) cho sự an bình (của giải thoát) –

Thực tế, bởi tham dục là những gì được tìm thấy trong những trạng huống của xu hướng bức bách ấy,

Một số giới hạn chúng sinh là hoàn toàn hướng về - Điều Thứ nhất, phần đầu cho viễn ly.

Dịch kệ:

[3] Nếu thiếu tâm buông xả luân hồi

Thì trong biển sinh tử sẽ không thể dứt tâm tìm cầu lạc thú.

Lòng tham cầu sự sống lại là dây trói,

Buộc thắt chúng sinh vào cõi luân hồi

Vậy việc đầu tiên phải làm, là phát tâm buông xả.

Nhóm chữ ‘viễn ly trong sạch’ được đề cập ở đây. Viễn ly phải là trong sạch trong ý nghĩa của sự hiện diện một cách hoàn toàn không thích thú trong những vinh quang hay còn được gọi là những thứ tốt đẹp của cõi sinh

tử luân hồi. Nếu chúng ta thiếu vắng sự viển ly trong sạch như thế và hoàn toàn bị quấy nhiễu hay ám ảnh bởi những quan tâm trần tục, thì sẽ không có con đường nào đạt đến giải thoát. Nếu chúng ta có tham ái và vương mắc (chấp trước), thế thì chẳng cần biết là chúng ta có bao nhiêu thiện nghiệp mà chúng ta có đi nữa, chúng ta sẽ không có thể cắt đứt gốc rễ sự tái sinh trở lại không thể kiểm soát. Thế cho nên, chúng ta cần phải phát triển sự viển ly. Làm thế nào để phát triển điều ấy?

(4) Bằng việc làm quen thuộc tâm thức chúng ta rằng không có thời gian để lãng phí

Khi mà một đời sống an nhàn tự tại và giàu có phong nhiêu thì rất khó để tìm, (Được) chuyển biến từ sự si ám của chúng ta với biểu hiện (từ tâm thức) đến đời sống này.

Bằng việc quán chiếu liên tục về những vận nạn tái sinh trở lại

Và rằng (định luật) chuyển vận của nhân quả thì không bao giờ lừa dối,

Chuyển biến từ sự chấp trước của chúng ta thành biểu hiện (từ tâm thức) đến những đời sống tương lai.

Dịch kệ:

[4] Thân người thông dong thuận tiện,

Khó tìm mà dễ mất

Phải thường xuyên nhớ nghĩ như vậy,

Tâm sẽ thôi không đắm chuyện đời này.

Luôn nhớ rằng nhân quả vốn không sai,

Toàn bộ luân hồi vốn không ngoài khổ não.

Phải thường xuyên nhớ nghĩ như vậy,

Tâm sẽ thôi không đắm chuyện đời sau.

Chúng ta cần suy nghĩ về sự quý giá của sự tái sinh làm người rằng chúng ta có với sự an nhàn và giàu có của nó, và cũng về sự kiện, rằng chúng ta sẽ đánh mất nó, vì nó là vô thường, và cái chết sẽ đến chắc chắn như thế nào. Trong cách này, chúng ta sẽ nhận chân ra cơ hội hiếm hoi như thế nào mà chúng ta có bây giờ và chúng ta không thể để khả năng lãng phí bất cứ giờ khắc nào ra sao. Đây là làm thế nào để hướng sự quan tâm của chúng ta hiện hữu chỉ trong đời sống này. Như vì sự an nhàn tự tại cùng giàu có phong nhiêu, và những giáo huấn trên vô thường và sự chết, chúng ta đã thảo luận những điều này trong những ngày vừa qua trong Ba mươi bảy phẩm

Thực hành của Bồ tát Đạo. (See: Short Commentary on Thirty-seven Bodhisattva Practices.)

Quan tâm đến cái chết và vô thường, có nhiều điểm khác nhau để thiền quán (những sự thực hành thường xuyên lặp lại để phát sinh và tập trung trên những trạng thái hữu ích của tâm thức nhằm mục tiêu thiết lập nó như một thói quen), chẳng hạn như sự thực rằng cái chết là chắc chắn, trong khi thời gian mà nó sẽ đến là hoàn toàn không thể biết trước được. Cái chết có thể xảy ra bất cứ lúc nào và, ngoại trừ Giáo Pháp, không một điều gì khác có thể hỗ trợ khi nó đến. Nếu chúng ta không làm điều gì đây bây giờ về cái chết sẽ đến và những đời sống tương lai, điều này sẽ không làm được gì cả. Càng nghĩ về sinh tử như thế, chúng ta càng làm giảm đi sự ám ảnh chấp trước của chúng ta đơn thuần với kiếp sống này mà thôi.

Tiếp theo, chúng ta cần quán chiếu về sự không thể sai lầm về sự chuyển vận của luật nhân quả, luật nghiệp báo. Để hiểu sự chuyển vận của luật nhân quả trong tất cả những chi tiết của nó là một trong những vấn đề khó khăn nhất. Tuy nhiên, trong một hình thức đơn giản, từ sự tốt lành đến sự tốt đẹp, từ sự xấu xa đến sự xấu ác: nghiệp báo là chắc chắn. Từ những hành vi xây dựng của thân, khẩu, và ý, an lạc hạnh phúc là kết quả chắc chắn. Từ những hành động tàn hoại, khổ đau chắc chắn sẽ xảy ra không sớm thì muộn.

Do vậy, nếu chúng ta có những nguyên nhân khổ đau trong những sự tiếp diễn tâm thức của chúng ta, làm thế nào chúng ta có thể an nhàn toại nguyện và thoải mái nhân hạ? Nó giống như một trái bom định giờ: nó chỉ là vấn đề thời gian, vì chắc chắn nó sẽ bùng nổ. Nếu chúng ta không tiêu trừ nguyên nhân ấy, chúng ta không bao giờ có thể thành thoi an bình. Khi chúng ta quán chiếu một cách cẩn thận sự vận hành của nhân quả trong cách này, chúng ta phát triển mạnh mẽ nguyện ước để tiêu trừ tất cả những nguyên nhân khổ đau của chúng ta.

Ở những thời điểm khác, chúng ta thực chứng khổ của sinh, tử, già và bệnh. Không kể là chúng ta dùng bao nhiêu thuốc men, chúng ta không thể chữa trị chứng già nua và chúng ta không thể ngăn ngừa chúng ta chẳng bao giờ có thể ngăn ngừa chúng ta mãi mãi đừng bệnh tật. Khổ đau của sinh, già, bệnh, và chết có nguồn gốc trong sự kiện rằng chúng ta có thân thể và nó phải trải qua sinh, già, bệnh và chết. Thân thể chúng ta là mạng lưới của những tập hợp củ ngũ uẩn, của nhiễm ô (phát sinh từ cảm xúc hay quan điểm phiền não). Nói cách khác, chúng ta tiếp nhận chúng tập nhiễm với nghiệp báo và những cảm xúc cùng những quan điểm phiền não. Nếu chúng ta không giải thoát chính mình khỏi những nguyên nhân sâu xa nhất của chúng, chúng ta sẽ luôn luôn có khổ đau.

Thân thể chúng ta là mạng lưới của năng lực xung đột, mâu thuẫn. Thí dụ hãy lưu tâm đến năng lực vâu sức nóng và lạnh trong thân thể. Nếu chúng ta có một cơn sốt, chúng ta dùng thuốc hạ nhiệt, nếu chúng ta dùng quá nhiều, chúng ta nhiễm bệnh lạnh. Nếu chúng ta dùng thuốc ấm để chữa chính mình với chứng lạnh lẽo này, và chúng ta dùng quá nhiều, thế thì một lần nữa chúng ta chuyển cán cân và có chứng nóng sốt. Chỉ khi nào chúng ta có một sự cân bằng về những năng lực nóng và lạnh trong thân thể, thế thì tạm thời, chúng ta có thể nói là chúng ta mạnh khỏe. Thế nhưng điều này chẳng bao giờ kéo dài. Nó rất tạm thời và ở tại thời khắc phù du, sự cân bằng là tình trạng thay đổi xáo trộn. Tôn giả Thánh Thiên đã chỉ ra điều này trong tác phẩm Bốn Trăm Thi Kệ của Ngài. Trong đấy, Ngài giải thích rằng, thân thể là thùng chứa những năng lực mâu thuẫn, đối kháng hỗ tương; vì thế, nó chỉ có thể đem đến những rắc rối và khổ đau.

Chúng ta nghĩ rằng thân thể này thì quá xinh đẹp. Tuy thế, chúng ta cần phân tích kỹ càng nó trong tâm thức chúng ta và quan sát mỗi phần một cách riêng biệt, chẳng hạn cái đầu, thí dụ như thế, hay một bím tóc với búi tóc nhỏ ở dưới. Hãy nhìn lỗ tai, hãy nhìn con mắt đơn thuần với chính nó, hãy nhìn một mảnh da, hãy nhìn trái tim, hãy nhìn lá phổi. Nếu chúng đang ở trên bàn mỗi thứ như thế, chúng sẽ bị ghê sợ và chẳng xinh đẹp gì cả. Điều cũng giống như thế khi lưu tâm đến những vật chất trong thân thể này – nước tiểu, phân, nước mũi, v.v... Chúng ta thấy những thứ ấy trên mặt đất khi chúng ta bước chân đi qua và chúng ta bịt mũi lại để tránh mùi hôi thối ấy. Những vật chất không ưa thích ấy đến từ nơi nào? Chúng đã không sinh ra từ đất; mà chúng đến từ thân thể của chúng ta.

Làm thế nào thân thể chúng ta được sạch sẽ, khi chúng chỉ là nguồn gốc của nhơ bẩn? Thân thể chúng ta đến từ tinh cha huyết mẹ. Nếu chúng ta đem những thứ vật chất này đặt lên trên bàn ngay trước mắt chúng ta, và nhìn chúng, bất cứ người nào cũng cảm thấy ghê tởm. Chúng ta quá dính mắc với chúng do bởi chúng đến từ nguồn gốc những chất vật lý của thân thể chúng ta, nhưng tự chúng nó thì đáng buồn nôn. Thí dụ, nếu chúng ta sống năm mươi năm, và nghĩ về tất cả những thức ăn mà chúng ta đã từng tiêu thụ trong năm mươi năm dài ấy trên một phương diện và rồi thì tất cả những phân giải và nước tiểu mà thân thể chúng ta chuyển biến chúng trên một phương diện khác. Làm thế nào thân thể này sạch sẽ nếu chúng đã làm những việc như thế?

Thế cho nên, chúng ta phải từ bỏ sự dính mắc với một thân thể như vậy. Nó đến từ nghiệp báo và những cảm xúc cùng những nhận thức phiền não là những thứ chỉ đem đến khổ đau. Nếu chúng ta tát cạn hay tiêu trừ nghiệp báo và những cảm xúc phiền não, chúng ta sẽ không bao giờ mang lấy những tập hợp (uẩn) nhiễm ô hay khổ não một lần nữa. Những cảm xúc

và quan niệm phiền não đến từ những tư tưởng thành kiến và nhận thức sai lầm, chúng khởi lên từ sự bất giác hay vô minh của những thứ có liên quan tới như sự hiện hữu vốn có. Nếu chúng ta nhận ra rằng mọi thứ thiếu vắng một sự hiện hữu như vậy, những cảm xúc và quan niệm phiền não sẽ tan biến. Chúng ta hòa tan vào trong khái niệm của tính không. Do vậy, đây là điều mà chúng ta cần.

(5) Khi bằng sự quen thuộc với chính các con trong cách này, các con không bao giờ phát sinh, ngay cả trong một khoảnh khắc, một tâm niệm khao khát vì sự chới lợi cuốn hút trở lại luân hồi,

Và các con phát triển một thái độ mà ngày hay đêm luôn luôn quan tâm một cách nhạy bén trong giải thoát,

Vào lúc ấy, các con đã phát sinh sự viễn ly.

Dịch kệ:

[5] Quán niệm như thế cho đến khi

Tâm tuyệt không còn đuổi theo chuyện phồn vinh thế tục,

Ngày cũng như đêm luôn hướng về giải thoát,

Đó là lúc thành tựu tâm buông xả luân hồi.

Do vậy, chúng ta cần phát triển sự viễn ly. Tiếp theo chúng ta cần một khuynh hướng của tâm giác ngộ (bodhicita).

---o0o---

07. TÂM GIÁC NGỘ (Bodhicita)

(6) Tuy nhiên, vì ngay cả sự viễn ly này,

Nếu không được thủ hộ với sự phát triển một xu hướng thuần khiết của tâm giác ngộ (bodhicita), sẽ không trở thành nguyên nhân

Cho những sự huy hoàng và diệu lạc của một trạng thái tinh khiết vô song (của giác ngộ),

Của những ai với khả năng phát sinh một xu hướng tối thượng của tâm giác ngộ (bodhicita).

Dịch kệ:

[6] Nhưng dù có tâm buông xả mà thiếu tâm bồ đề,

Cũng không thể thành tựu đại lạc

Của vô thượng chánh đẳng giác.

Vì vậy bậc đại trí luôn gắng công phát khởi tâm bồ đề.

Như chúng ta đã nói trước đây, nếu thiếu tâm giác ngộ (bodhicitta), chúng ta không thể đạt đến giác ngộ.

(7) Bị cuốn đi bởi những thác lũ của bốn dòng sông bạo động,
Bị trói chặc bởi gông cùm của nghiệp báo, khó khăn đảo ngược lại,
Bị quăng trong màng lưới sắt bẫy rập chấp trước thay cho những trực
nhận chân lý,

Hoàn toàn bị che kín trong bóng tối dày đặc của của đêm dài bất giác,

(8) Bị dày vò không nguôi bởi ba loại khổ não,

Hết đời này đến đời khác trong vòng luân hồi bức bách bất tận –

Hãy nghĩ về nhân duyên của những bà mẹ của các con

Những người đã tìm thấy chính mình trong những hoàn cảnh như thế,

Hãy phát triển một xu hướng tối thượng của tâm giác ngộ (bodhicitta).

Dịch kệ:

[7] Nghĩ đến chúng sinh bị bốn dòng nước xoáy cuốn phăng đi,

Nghiệp cũ ràng buộc khó lòng tháo gỡ,

Kẹt trong cũi sắt chấp ngã,

Ngạt trong bóng tối vô minh,

[8] Trôi lăn theo vòng tái sinh không gián đoạn

Chịu ba loại khổ, bức bách không ngừng

Tất cả chúng sinh sống như thế đó, họ đã từng là mẹ của con.

Hãy nhớ nghĩ như vậy, để phát tâm bồ đề.

Bị cuốn đi bởi thác lũ của bốn dòng sông bạo động, liên hệ đến bốn loại khổ não của sinh, già, bệnh và chết. Chúng ta bị trói chặc bởi gông cùm của năng lực tiêu cực từ những hành vi tàn hoại của nghiệp chướng, và những năng lực này chắc chắn sẽ chín muồi một ngày nào đấy. Chúng ta trong màng lưới sắt bẫy rập của bất giác, và trong bóng tối dày đặc của đêm dài của sự không thấy tính bản nhiên chân thật của thực tại. Cả những cá nhân và hiện tượng dường như tồn tại một cách cố hữu, nhưng chúng hoàn toàn không tồn tại trong cách ấy.

Chúng ta có một sự tiệm tiến của những nhân tố tập hợp (uẩn) thay đổi không ngừng và đơn thuần điều này “cái tôi” là điều vì ấy mệnh danh trên sự thay đổi liên tục ấy như căn bản của nó. Tuy nhiên, từ sự bất giác vô minh, chúng ta dính mắc với “cái tôi” ấy, là điều được mệnh danh trên mạng

lưới của những hiện tượng đổi thay, và chúng ta nhận thức sai lầm nó là thường, tĩnh, và có thể tìm thấy một “cái tôi” thật sự vốn có. Sự tối tăm của tính bất giác này rồi thì làm nguyên nhân cho chúng ta xây dựng nên một khối lượng khổng lồ của những năng lực tiêu cực. Năng lực tiêu cực hay bất thiện ấy quăng chúng ta vào trong bẫy rập của mạng lưới sắt nghiệp báo, nơi mà chúng ta bị trói chặt bởi gông cùm của nghiệp báo ấy và của những cảm xúc và quan niệm phiền não. Do thế, chúng ta kinh nghiệm một cách tự nhiên ba loại khổ não hết đời này đến đời khác, như đã nói ở đây. Đó là khổ khổ, hoại khổ (khổ của đổi thay), và hành khổ (khổ lan tràn cùng khắp). Vì đây cũng là nhân duyên của tất cả những bà mẹ chúng ta, chúng ta cần hành động để giúp đỡ họ bằng việc phát triển một xu hướng của tâm giác ngộ (bodhicitta).

Tiếp theo lưu tâm đến tính không.

---o0o---

08. MỘT QUAN ĐIỂM ĐÚNG ĐẮN VỀ TÍNH KHÔNG

(9) Ngay cả nếu các con đã xây dựng nên tính viễn ly và xu hướng tâm giác ngộ (bodhicitta),

Nhưng, nếu các con thiếu sự tỉnh thức biệt quán thực chứng về tính bản nhiên bất động của thực tại,

Các con sẽ không thể cắt đứt gốc rễ của xu hướng luân hồi sinh tử của các con.

Do vậy, hãy tiến hành nỗ lực trong những phương pháp đối với việc thực chứng tính duyên khởi.

Dịch kệ:

[9] Nhưng dù tâm buông xả và tâm bồ đề có đủ

Nếu thiếu đi trí tuệ chứng chân tướng thực tại

Vẫn không thể chặt đứt gốc rễ luân hồi.

Vậy phải bằng mọi cách giác ngộ lý duyên sinh..

Điểm chính của Tổ Sư Tông Khách Ba là để cho sự thông hiểu về ‘tính không’ sinh khởi như ý nghĩa của tính duyên khởi và thông hiểu ‘tính duyên khởi’ phát sinh như ý nghĩa của tính không. Do vậy, chúng ta cần những nỗ lực trong những phương pháp để thực chứng tính không như tính duyên khởi. Làm thế nào?

(10) Bất cứ ai đã từng thấy rằng (luật) vận hành của nhân quả

Đôi với tất cả những hiện tượng của luân hồi và niết bàn là không bao giờ hư dối,

Và những ai đã vỡ mộng dựa trên nhận định của quan niệm trong khuynh

hướng của sự tồn tại cố hữu,

Bất cứ là gì mà họ có thể đã từng,

Đã đi vào con đường làm vui lòng những Đức Phật.

Dịch kệ:

[10] Người khởi bước vào con đường khiến chư Phật hoan hỉ

Là người thấy mọi sự, dù luân hồi hay niết bàn

Đều thuận theo nhân quả không sai

Và hoàn toàn rã tan mọi vọng chấp [có tự tánh].

Tất cả những hiện tượng của luân hồi và niết bàn hình thành qua nhân quả. Điều này là không bao giờ lừa dối, không bao giờ sai chạy. Khi chúng ta thông hiểu điều này và thêm nữa, đã có sự hỗ trợ căn bản và nương tựa vào khuynh hướng của tồn tại cố hữu bị tan vỡ, thế thì chúng ta đã bước vào con đường làm vui lòng các Đức Thế Tôn. Khi chúng ta thông hiểu tính không, chúng ta sẽ không còn có nhận thức hướng về sự tồn tại cố hữu. Trong cách này, cơ sở cho những nhận thức sai lầm sinh khởi – điều nâng đỡ hỗ trợ cho sự chấp trước về sự tồn tại cố hữu của chúng ta – sẽ tan rã hay biến mất.

(11) Những sự biểu hiện không lừa dối tương liên sinh khởi
Và tính không là lìa mọi nhận thức (của những cách không thể hiện hữu).

Do thế cho đến khi nào các con có hai sự thông hiểu này xuất hiện một cách riêng rẽ,

Các con vẫn chưa nhận ra mục tiêu của những Đấng Chính Biến Tri.

Dịch kệ:

[11] Tướng hiện -- là duyên sinh không thể khác,

Tánh không -- vượt mọi khẳng định, không thể nghĩ bàn

Nếu chúng tướng hiện và chúng tánh không còn riêng lẻ tách lìa,

Thì vẫn chưa thấy được ý thật của Phật.

Khi chúng ta thông hiểu tính không, chúng ta thấy là không có gì ở điều mà chúng ta có thể đưa tay chỉ và nói rằng đây là đối tượng của điều này. Tất cả mọi thứ là không thể tìm thấy trên sự phân tích căn bản. Tuy thế, mặt khác, chúng ta thấy rằng những thứ ấy lại chỉ đơn thuần biểu hiện.

Đề nghị rằng đây là hai thứ hoàn toàn riêng biệt không liên hệ bên trong – những sự vật hiện hữu không thể tìm thấy trên một phương diện và tuy vậy chỉ đơn thuần biểu hiện trên một phương diện khác – không là mục tiêu của Đấng Toàn Giác quan tâm về tính không và hai chân lý.

(12) Nhưng khi, không phải luân phiên, mà tất cả cùng một lúc,

Chúng ta khẳng quyết tính duyên khởi không sai chạy từ nơi hiện tượng đơn thuần

Toàn bộ những nguyên nhân của những phương thức tiếp nhận đối tượng (như tồn tại cố hữu) tan rã,

Các con đã hoàn toàn sáng tỏ quan điểm đúng đắn.

Dịch kệ:

[12] Bao giờ tướng hiện và tánh không đồng loạt không xen kẽ,

Càng chứng duyên sinh càng rã tan vọng chấp,

Đó là lúc chánh kiến đã vẹn toàn.

Những gì chúng ta cần, là để thấy rằng do bởi những sự vật sinh khởi một cách tương tức tương nhập – vì sự biểu hiện lệ thuộc trên những nguyên nhân và hoàn cảnh đề xuất hiện – chúng thì trống rỗng trong sự tồn tại cố hữu; chúng không có sự tồn tại độc lập. Sự kiện rằng chúng có thể sinh khởi một cách phụ thuộc trên nhân và duyên một cách đơn giản bởi vì chúng không có sự tồn tại một cách độc lập. Do thế, sự thông hiểu và tin chắc càng mạnh mẽ rằng những sự vật sinh khởi một cách phụ thuộc (theo nhân duyên), rằng những sự vật tùy thuộc trên nguyên nhân và kết quả, sự thông hiểu và tin chắc của chúng ta càng mạnh hơn sẽ chính là những sự vật không có sự tồn tại độc lập và cố hữu; và ngược lại. Để hiểu hai điều này một cách đồng thời trong sự liên kết như thế này nghĩa là chúng ta phải hoàn toàn phân tích đúng đắn về tính không.

(13) Xa hơn thế, khi chúng ta biết làm thế nào sự biểu hiện (từ tâm thức) khử trừ sự tồn tại cực đoan (thường kiến)

Và tính không khử trừ sự không tồn tại cực đoan (đoạn kiến),

Và làm thế nào tính không hiển hiện như nhân và quả,

Các con sẽ chẳng bao giờ bị đánh mất bởi những quan điểm dính mắc vào những cực đoan.

Dịch kệ:

[13] Hơn nữa,

Vì hiện, nên không thường

Vì không, nên không đoạn

Nếu từ giữa tánh không mà thấy được nhân quả

Thì thoát được hai đầu cực đoạn.

Thường thì, chúng ta thấy nó giải thích rằng thực tế sự biểu hiện khử trừ cực đoạn hoàn toàn không tồn tại— những sự vật không phải không tồn tại một cách hoàn toàn, bởi vì chúng thật sự xuất hiện. Và cũng thế, thực tế tính không khử trừ cực đoạn tồn tại cố hữu – những sự vật không phải tồn tại một cách cố hữu, bởi vì chúng không có một sự tồn tại trong cách có thể như thế.

Tuy nhiên, ở đây, chúng ta có một cách thừa nhận đối kháng. Thực tế sự biểu hiện (từ tâm thức) khử trừ cực đoạn tồn tại cố hữu. Điều này là bởi vì, để những sự vật biểu hiện, chúng phải là không có sự tồn tại cố hữu. Chúng phải là những hiện tượng sinh khởi một cách lệ thuộc (duyên sinh). Do thế, sự việc chúng thật biểu hiện khử trừ khả năng rằng chúng có thể tồn tại một cách cố hữu.

Hơn thế nữa, thực tế tính không khử trừ cực đoạn hoàn toàn không tồn tại. Thật sự rằng điều gì ấy không có sự tồn tại cố hữu có nghĩa rằng nó có thể biểu hiện bởi sự sinh khởi lệ thuộc (nhân duyên): nó không thể là hoàn toàn không tồn tại. Do vậy, thực sự tính không khử trừ cực đoạn hoàn toàn không tồn tại.

Đây là phong cách xác nhận đặc biệt của Tông Khách Ba và theo bình luận của Choney Rinpoche về Tán Dương Sự Sinh Khởi Tương Duyên của Tông Khách Ba. Do thế, sự thông hiểu về những sự vật hiện hữu không có sự tồn tại cố hữu bởi vì chúng sinh khởi một cách lệ thuộc, và rằng chúng sinh khởi một cách lệ thuộc bởi vì chúng không có sự tồn tại cố hữu, ngăn ngừa chúng ta rơi vào hai cực đoạn chấp trước vào chân lý, sự tồn tại cố hữu và tại sự hoàn toàn không tồn tại.

Tiếp theo là huấn thị về thực hành.

---o0o---

09. HUẤN THỊ ĐỂ THỰC HÀNH

(14) Khi chúng ta đã thông hiểu những điểm của ba điều này

Những phương diện chính của con đường, như chúng là,

Hãy nương vào nơi tĩnh mịch và,

Bằng sự phát sinh năng lực hoan hỉ kiên trì

Con của ta thực chứng một cách nhanh chóng mục tiêu nguyên sơ.

Dịch kệ:

[14] Bao giờ có được cái thấy đúng như sự thật

Về ba điểm tinh yếu của đường tu,

Khi ấy, con ơi, hãy tìm nơi thanh tịnh,

Tinh tấn tu hành

Mau chóng thành tựu mục tiêu cứu cánh.

Khi chúng ta đạt đến sự thông hiểu về viễn ly, tâm giác ngộ (bodhicitta) và tính không, qua năng lực của lắng nghe đến những giáo huấn chân thực về chúng và rồi thì suy tư và phân tích chúng cho đến khi chúng ta tin chắc ý nghĩa của chúng, sau đó chúng ta cần phải sống trong nơi tĩnh lặng và dành hết mình đến nhất tâm bất loạn để thiền tập và thực chứng chúng. Điều này chúng ta cần phải tiến hành với sự hoan hỷ kiên trì (nhẫn nại và tinh tấn) như những bậc đạo sư trong quá khứ đã làm, thí dụ như vị nổi tiếng là Milarepa, Đại Gyalwa Ensapa, và những đấng con tinh thần của Ngài, Kaydrub Sanggyay-yashey, v.v... Sau đó chúng ta mới có thể đạt đến mục tiêu nguyên sơ của giác ngộ. “Con của ta” ở đây liên hệ đến người đệ tử thân cận của Tổ Sư Tông Khách Ba, Ngawang-dragpa, người mà chúng ta đã đề cập phía trước.

---o0o---

10. KẾT LUẬN LƯU Ý TRÊN CHỦ TRƯỞNG KHÔNG TÔNG PHÁI

Điều này kết luận lược giải ‘Ba Phương Chính Của Con Đường’. Đây là một luận bản rất quan trọng và đã bao gồm trong ấy, căn bản thiết yếu của toàn bộ con đường kinh điển hiển giáo và là tâm điểm của những con đường mật điển tantra. Giáo lý về tính không là một phần khó, có phải không? Ngoại trừ chúng ta rất quen thuộc với những thuật ngữ chuyên môn, sau đó khi nói với quan điểm đúng đắn, hai chân lý, tính không, v.v... bằng không có thể là bối rối. Có những phương pháp đặc trưng để định nghĩa và xác nhận những thuật ngữ này trong bốn trường phái Phật Giáo Ấn Độ về triết lý giáo nghĩa của kinh điển, và những cung cách khác nhau trong bốn tông phái Mật thừa tantra. Cũng thế có một cách định nghĩa khác về chúng trong bốn truyền thống Phật Giáo Tây Tạng trong những luận giải và hệ thống đặc thù của chúng.

Chúng ta cần cố gắng để thông hiểu tất cả chúng vì thế chúng ta biết sự liên hệ ngụ ý của những thuật ngữ, tùy theo từng luận bản của chúng, và chúng ta không bị bối rối. Chỉ biết một hệ thống và rồi thì phê phán những

gì khác đơn giản bởi vì chúng khác nhau và chúng ta không hiểu chúng trong thuật ngữ chính chúng là rất thiếu xây dựng. Như Long Thọ đã từng nói trong Trạng Hoa Quý Báu và Tịch Thiên trong Dẫn Thân Trong Thái Độ Bồ Tát, trong những thí dụ như thế, tốt nhất là duy trì sự dừng dừng cùng im lặng, và không nói điều gì cả.

Ngay cả trong giáo lý của một truyền thống, tông Hiền Nhân (Gelug) chẳng hạn, có những sự quyết đoán thông hiểu tính không dựa trên kinh điển hiển giáo và theo mật điển tantra. Không có sự khác biệt một cách vi tế trong sự lưu tâm về đối tượng, tính không, cả trong kinh điển hiển giáo hay mật điển tantra. Sự khác biệt do ở tâm thức thông hiểu về tính không. Hơn thế nữa, trong cả kinh điển lẫn mật điển, có những sự định nghĩa và giải thích khác nhau về những chân lý theo tập quán quy ước (tục đế) và thâm sâu nhất (chân đế) và cung cách đề thiền tập trên cả hai. Ngay cả trong Tantra yoga tối thượng, có nhiều hệ thống phân loại khác nhau. Thí dụ, phương pháp phác thảo trong Bí Mật Tập Hội (Guhyasamaja) thì hoàn toàn khác những thứ trong giáo lý Thời Luân (Kalachakra). Cũng thế, chúng ta tìm thấy những sự khác biệt trong cung cách thiền chỉ (thiền định) và thiền quán (thiền phân tích). Nếu chúng ta không học hỏi tất cả những hệ thống này, chúng ta sẽ trở nên rất lúng túng.

Tóm lại, nếu chúng ta không biết bất cứ điều gì về một hệ thống nào đấy, chúng ta không cần nói bất cứ điều gì về nó và chắc chắn không phê phán. Chỉ trên một căn bản không phân tông phái chúng ta mới có thể đánh giá đúng (cũng như cảm kích trung thực) toàn bộ mục tiêu về những giáo lý của Đức Phật.

---oOo---

HẾT